

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 6 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Date: 2020.06.16
20:41:27 +07'00'

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

Mã chứng khoán : CPA

Trụ sở chính: Km 26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 0262 3521149 - Fax: 0262 3521246

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hồ Sỹ Trung – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Km 26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 0262 3521149 Fax: 0262 3521246

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Công bố thông tin về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

- Thời gian: 13h30phút, ngày 27/6/2020.

- Địa điểm: Không gian Cội nguồn cà phê Việt (Km 26 – Ql 26, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk).

- Nội dung: Thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên website Công ty tại đường dẫn: <http://phuocancoffee.com.vn/>. Công ty sẽ cập nhật bổ sung (nếu có) cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 16-6-2020 tại đường dẫn <http://phuocancoffee.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TKCT.



NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
Tổng Giám đốc

Hồ Sỹ Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Km 26 - Quốc Lộ 26 - Huyện Krông Pắc - Tỉnh Đắk Lắk

Tel. : 0262.352 1149 - Fax : 0262.352 1246

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 6 năm 2020

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty cổ phần Cà phê Phước An

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cà phê Phước An. Chi tiết như sau:

1. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: 13 giờ 30, Thứ 7, ngày 27 tháng 6 năm 2020.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty hoặc Không gian Cội nguồn Cà phê Việt - Km 26, Quốc Lộ 26, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.

2. Điều kiện tham dự Đại hội

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần cà phê Phước An theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/6/2020.
- Trường hợp Cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản đúng theo quy định của Công ty.

3. Nội dung Đại hội:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020 của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát;
- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;
- Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020;
- Thông qua Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020.
- Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.
- Thông qua bầu bổ sung ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.
- Các nội dung khác liên quan đính kèm theo tài liệu đại hội.

4. Tài liệu Đại hội

- Thư mời họp; Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội; Thông báo đề cử, ứng cử thành viên BKS; Phiếu góp ý; Chương trình họp sẽ được gửi đến Quý cổ đông.
- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sẽ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.phuocancoffee.com.vn

5. Đăng ký tham dự Đại hội

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội được chu đáo, rất mong Quý cổ đông vui lòng gửi Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội theo Mẫu Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự được gửi kèm trong tài liệu Đại hội và đăng tải trên website www.phuocancoffee.com.vn đến Công ty trước **16g00 ngày 23/...6.../2020** theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Người nhận: bà Nguyễn Thị Nhị Hà – ĐTDD: 0987 367 477

Km 26 - Quốc Lộ 26 - Huyện Krông Pắc - Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262.352 1149

Fax: 0262.352 1246

Quý Cổ đông tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Thư mời họp, bản chính Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội và Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân.

Trân trọng.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN THANH HẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Địa chỉ: Km 26 – Quốc lộ 26 – Huyện Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại: 0262 3521149 - FAX: 0262 3521246 - MST: 6000183273
Website: www.phuocancoffee.com.vn - Email: pacoffeco@gmail.com

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Thời gian tổ chức: Từ 13h30' đến 16h30' ngày 27 tháng 6 năm 2020
Địa điểm: Văn phòng Công ty hoặc Không gian Cội nguồn Cà phê Việt
Km 26 – QL 26 – Krông Pắc – Đắk Lắk

| TT | THỜI GIAN | NỘI DUNG | THỰC HIỆN |
|----|---------------|--|--|
| 1 | 13h30 – 14h00 | - Đón tiếp và đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông. - Kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại Hội. - Phát tài liệu cho cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội. | Ban tổ chức Đại hội; Ban kiểm tra tư cách cổ đông |
| 2 | 14h00 – 14h20 | - Ôn định tổ chức chuẩn bị đại hội. - Khai mạc Đại hội | Ban tổ chức Đại hội |
| 3 | | - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách và số lượng cổ đông tham dự Đại hội | Ban Kiểm tra tư cách cổ đông |
| 4 | | - Biểu quyết thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết | HĐQT |
| 5 | | - Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội - Biểu quyết thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội | HĐQT |
| 6 | | - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020 của HĐQT. | HĐQT |
| 7 | 14h20 – 15h20 | - Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát | BKS |
| 8 | | - Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 | Đoàn Chủ tọa |
| 9 | | - Thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020 | Đoàn Chủ tọa |
| 11 | | - Thông qua thù lao của HĐQT và BKS năm 2019 và phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020 | Đoàn Chủ tọa |
| 12 | | - Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 | Đoàn Chủ tọa |
| 13 | | 15h20 – 15h50 | - Bầu bổ sung ban kiểm soát |
| 13 | 15h50 – 16h05 | - Các ý kiến phát biểu, thảo luận - Biểu quyết thông qua các nội dung | Đoàn Chủ tọa |
| 14 | 16h05 – 16h30 | - Thông qua Biên bản và Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2020 - Bế mạc Đại hội | Thư ký Đại hội; Đoàn Chủ tọa |

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Trần Thanh Hải



Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

PHIẾU ĐĂNG KÝ

Tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

Công ty cổ phần cà phê Phước An

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

Tên cổ đông/đại diện số cổ phần:

Địa chỉ:

Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD:

Ngày cấp: Nơi cấp

Điện thoại: Fax:

Email:

1- Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần cà phê Phước An.

- Số cổ phần sở hữu: cổ phần

- Số cổ phần nhận ủy quyền cổ phần (nếu có)

(Kèm theo Giấy ủy quyền tương ứng với số cổ phần nhận ủy quyền)

Số cổ phần đại diện: cổ phần (nếu có)

Tổng cộng: cổ phần

(Bằng chữ:.....)

2- Đăng ký phát biểu (nếu có) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cà phê Phước An.

- Nội dung đăng ký phát biểu:

.....

.....

.....

3- Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cà phê Phước An xác nhận vào danh sách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

Cá nhân/tổ chức đăng ký
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)

GHI CHÚ: Đề nghị Quý cổ đông có nhu cầu phát biểu phải đăng ký nội dung phát biểu để Ban tổ chức bố trí thời gian phù hợp. Mỗi đại biểu đăng ký có tối đa 05 phút để phát biểu, Quý cổ đông về họp Đại hội vui lòng gửi Phiếu đăng ký hoặc fax về Công ty cổ phần Cà phê Phước An trước 16h00 ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo địa chỉ sau: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN** (Người nhận: bà Nguyễn Thị Nhị Hà – Thư ký công ty)

Km 26, Quốc lộ 26, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk

Fax: 0262 3521246



GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

1. Nội dung ủy quyền:

❖ BÊN ỦY QUYỀN:

Tên cổ đông:

Số cổ phần sở hữu: Bằng chữ:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN: ngày cấp/...../.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

❖ BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân/Tổ chức:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN: ngày cấp/...../.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Bên nhận ủy quyền được toàn quyền thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần cà phê Phước An vào ngày 29-6-2020 và biểu quyết các nội dung của Đại hội.

Các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung ủy quyền và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại hay tranh chấp nào sau này.

2. Ghi chú:

- Ủy quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu của công ty và có chữ ký của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền (đối với cổ đông là tổ chức phải có chữ ký và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật).

- Ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội, việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần và không được ủy quyền lại cho người khác.

- Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần cà phê Phước An và phải được nộp cho Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2020
BÊN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu thẻ biểu quyết



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Ngày tháng năm 2020

THẺ BIỂU QUYẾT

SỐ CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT:

TÊN CỔ ĐÔNG:

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG: CPA

Đã Lắc, ngày tháng năm 2020

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần cà phê Phước An.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 12/06/2020.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Ăn mặc lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

- Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

. Trước khi khai mạc Đại hội;

. Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

- Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của ban biểu quyết.

4.1. Ban biểu quyết gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban biểu quyết có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết.

4.3. Trường Ban biểu quyết báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban biểu quyết có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban biểu quyết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố. Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký Đại hội kết quả biểu quyết.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty do HĐQT đề cử.

5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc đề Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

5.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THẺ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông),

mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8. Thông qua quyết định của Đại hội

8.1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

8.2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sát nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Thẻ biểu quyết

9.1. Thẻ biểu quyết do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, số cổ phần của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

9.2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 10. Thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến (theo mẫu quy định). Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lặp lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 12. Biên bản Đại hội

12.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

12.2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

12.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

12.4. Biên bản Đại hội phải được gửi tới các cổ đông hoặc được đăng tải trên website của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc Đại hội.

12.5. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 13. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông hoặc đăng tải trên website của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 14. Hiệu lực thi hành của Quy chế

14.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bốn (14) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

14.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Cổ đông của Công ty;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.



Trần Thanh Hải

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An và các quy định của pháp luật liên quan.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cà phê Phước An báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2020 như sau:

I- HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

1- Cơ cấu nhân sự của HĐQT:

- HĐQT công ty gồm 05 thành viên như sau:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|----|-------------------|-----------------|---------|
| 1 | Trần Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT | |
| 2 | Hồ Sỹ Trung | Phó CT HĐQT | |
| 3 | Trần Thị Lệ | Thành viên HĐQT | |
| 4 | Lê Nguyên Hòa | Thành viên HĐQT | |
| 5 | Trương Quang Tuấn | Thành viên HĐQT | |

2- Hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty:

- HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và tổ chức triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Tổ chức họp định kỳ và bất thường: Định kỳ hàng tháng HĐQT đã họp để đánh giá các báo cáo của ban Tổng giám đốc về các hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn các hoạt động của công ty. Trong một số trường hợp, HĐQT họp bất thường để giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của ban Tổng giám đốc.

- Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty: HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty:

+ Thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên của HĐQT theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT.

+ Hàng tháng, HĐQT thường xuyên cử người tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt kết quả giải quyết công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến góp ý, chỉ đạo để kịp thời giải quyết những phát sinh

vướng mắc trong quản lý điều hành của ban TGD nhằm điều hành hoạt động của công ty theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

+ Ban hành Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành hoạt động SXKD.

+ Chỉ đạo hoàn thành xây dựng các quy chế, nội quy hoạt động của công ty.

+ Kết hợp với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

+ Quyết định ngày triệu tập, thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2019 cũng như các nội dung khác trình ĐHĐCĐ quyết định theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp, kết quả đã ban hành 06 Nghị quyết, cụ thể như sau:

| TT | Số NQ | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ biểu quyết |
|----|------------------|------------|--|------------------|
| 1 | 01-2019/NQ-HĐQT | 22-07-2019 | Gia hạn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng NN&PTNT Đắk Lắk | 5/5 100% |
| 2 | 02-2019/NQ-HĐQT | 14-08-2019 | Triệu tập, tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 | 5/5 100% |
| 3 | 03-2019/NQ-HĐQT | 21-09-2019 | Phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ | 5/5 100% |
| 4 | 04-2019/NQ-HĐQT | 24-09-2019 | Đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống UPCoM | 5/5 100% |
| 5 | 05-2019/NQ-HĐQT | 05-12-2019 | Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 | 5/5 100% |
| 6 | 05B-2019/NQ-HĐQT | 20-12-2019 | Thông qua phương án giao khoán diện tích cà phê trồng năm 1978 đã hết hạn hợp đồng tại vùng Phước An | 5/5 100% |

3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Trong năm 2019 do kết quả kinh doanh chưa đạt hiệu quả, HĐQT quyết định không chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát.

4- Công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao.
- Duy trì chế độ báo cáo hàng tháng của Tổng giám đốc cho HĐQT về tình hình SXKD.
- Chủ tịch HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế, quy định khác của Công ty từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót.
- Ban giám đốc công ty đã điều hành hoạt động của công ty đúng theo chủ trương, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT.
- Các hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của điều lệ công ty và Pháp luật nhà nước.

II- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019:

(Nội dung được trình bày tại tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ-2020)

III- KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020:

(Nội dung được trình bày tại Tờ trình số 02/TTr-ĐHĐCĐ-2020)

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SKXD năm 2020 của HĐQT công ty. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Hải



Số: 02/BC-ĐHĐCĐ-2020

Đắk Lắk, Ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 60 Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cà phê Phước An xin báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông kết quả công tác kiểm tra, giám sát năm 2019 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

PHẦN I KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2019

I- Tình hình tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát.

1- Về tổ chức:

Ban Kiểm soát Công ty CPCP Phước An được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 10-8-2017 bầu ra, gồm có 03 thành viên và được phân công công việc cụ thể như sau: Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên còn lại theo dõi các hoạt động khác do Trưởng ban giao.

- Trưởng ban: Nguyễn Thị Trì

Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của ban, giám sát hoạt động của các thành viên trong ban.

- Thành viên: Phan Khắc Lăng

Chịu trách nhiệm:

+ Giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý của công ty.

+ Giám sát việc tuân thủ pháp luật và điều lệ Công ty.

+ Kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế tại công ty.

- Thành viên: Trần Thị Kim Oanh

Chịu trách nhiệm:

+ Giám sát công tác tài chính kế toán của công ty.

+ Giám sát hoạt động của các phòng ban chức năng công ty.

+ Giám sát hoạt động kiểm kê của công ty.

2- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát tổ chức họp 03 lần:

- Lần họp thứ nhất: ngày 29/3/2019: Nội dung: Thông qua Báo cáo công tác kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

- Lần họp thứ hai: ngày 10/08/2019: Nội dung: Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính 04 tháng cuối năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2018 (đã được Công ty TNHH Ernst &

Young Việt Nam kiểm toán).

- Lần họp thứ ba: ngày 30/10/2019: Nội dung: Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2019 (đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán).

Ban kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông; các quy định tại Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy, chế, nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty CPCP Phước An đề ra.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp nào vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3- Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty:

3.1 Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 10-8-2017 bầu ra. Các thành viên của Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và tổ chức triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Định kỳ hàng tháng HĐQT đã tổ chức họp để đánh giá các báo cáo của ban Tổng giám đốc về các hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn các hoạt động của công ty. Trong một số trường hợp, HĐQT họp bất thường để giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của ban Tổng giám đốc.

Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty: HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty:

+ Thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên của HĐQT theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT.

+ Hàng tháng, HĐQT thường xuyên cử người tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt kết quả giải quyết công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến góp ý, chỉ đạo để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của ban TGD nhằm điều hành hoạt động của công ty theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

+ Ban hành Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành hoạt động SXKD.

+ Chỉ đạo hoàn thành xây dựng các quy chế, nội quy hoạt động của công ty.

+ Kết hợp với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

+ Quyết định ngày triệu tập, thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 cũng như các nội dung khác trình ĐHĐCĐ quyết định theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp, đã ban hành 06 Nghị quyết, cụ thể như sau:

| TT | Số NQ | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ biểu quyết |
|----|-----------------|------------|--|------------------|
| 1 | 01-2019/NQ-HĐQT | 22-07-2019 | Gia hạn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng NN&PTNT Đắk Lắk | 5/5 100% |

| | | | | |
|---|------------------|------------|--|-------------|
| 2 | 02-2019/NQ-HĐQT | 14-08-2019 | Triệu tập, tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 | 5/5 100% |
| 3 | 03-2019/NQ-HĐQT | 21-09-2019 | Phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ | 5/5 100% |
| 4 | 04-2019/NQ-HĐQT | 24-09-2019 | Đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống UPCoM | 5/5 100% |
| 5 | 05-2019/NQ-HĐQT | 05-12-2019 | Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 | 5/5 100% |
| 6 | 05B/2019/NQ-HĐQT | 20-12-2019 | Thông qua phương án giao khoán diện tích cà phê trồng năm 1978 đã hết hạn hợp đồng tại vùng Phước An | 5/5 100% |

3.2 Giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2019 Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động. Tổng Giám đốc Công ty đã có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD và chủ động có nhiều giải pháp cả về thị trường, xử lý tài chính, tiết kiệm chi phí, tái cấu trúc mô hình quản lý... Tập thể người lao động trong Công ty có sự đoàn kết, nhất trí cao đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, khắc phục những khó khăn, quyết tâm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty để nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động SXKD và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

3.3 Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Năm 2019 tiếp tục là một năm còn gặp nhiều khó khăn đối với công ty.

Kết quả cụ thể như sau (Theo báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán):

DVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | | | Ghi chú |
|----------------------|----------|-----------|-----------|---------|
| | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ (%) | |
| Tổng Doanh thu | 217.000 | 188.940 | 87% | |
| Tổng chi phí | 198.000 | 240.311 | 121% | |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.000 | (51.371) | (1.712%) | |

- Nguyên nhân kinh doanh không hiệu quả (theo giải trình của HĐQT và BTGD):

+ Do phân bổ chi phí lãi vay dài hạn và các chi phí khác các năm trước (xử lý tài chính trước khi cổ phần hóa) số tiền phân bổ trong năm: 30.043 triệu đồng.

+ Do định giá lại tài sản đưa vào cổ phần hóa nên giá trị tài sản tăng dẫn đến giá trị khấu hao tăng cao, thu không đủ bù chi, chi phí phân bổ trong năm: 14.845 triệu đồng.

+ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo qui định: 7.022 triệu đồng (*chủ yếu chênh lệch phần ghi nợ hộ nhận khoán không nộp sản phẩm trước khi cổ phần hóa*).

+ Do yếu tố bất lợi của nền kinh tế thế giới: giá cà phê trong năm qua luôn biến động giảm, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty không hiệu quả.

b) Công tác Tài chính kế toán:

Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

Công tác xây dựng và thực hiện các quy định của Công ty:

Công ty đã chú trọng xây dựng và ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ và điều hành doanh nghiệp.

c) Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2019:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty năm 2019, kết thúc tại ngày 31/12/2019, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young, qua đó thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

4. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu cho Ban kiểm soát.

Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

5. Kết luận và kiến nghị:

5.1 Kết luận:

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chung do vậy từng thành viên trong ban kiểm soát còn nhiều yếu tố khách quan dẫn đến chưa bám sát cụ thể vào hoạt động SXKD của công ty, vì vậy công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Để đảm bảo công tác quản lý điều hành của Công ty được tốt hơn trong năm tới, cần tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

5.2 Kiến nghị:

- Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật.

- Xem xét việc đầu tư các dự án lớn để kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty;

- Đánh giá phương án tổ chức giao nhận khoán và quản lý vườn cây giao nhận khoán của công ty đã đến hạn thanh lý hợp đồng.

- Đánh giá hiệu quả các sản phẩm chủ lực trên cơ sở phân bổ chi phí hợp lý, từ đó tập trung phát triển cho các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, tỷ lệ đóng góp doanh thu và lợi nhuận lớn.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho: Rà soát và hoàn thiện quy trình quản lý hàng tồn kho, vận chuyển, giao hàng hợp lý, tránh rủi ro về chất lượng, thiệt hại và pháp lý.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị Nợ phải thu: Rà soát, đánh giá và thu hồi các khoản nợ khó đòi.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020. Ban kiểm soát đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2020 như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, việc chấp hành pháp luật Nhà nước tại Công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông Công ty năm 2020.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2020. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của công ty.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng kiểm soát hồ sơ dự án đầu tư năm 2020.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp của Công ty.
- Kiểm tra việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền.
- Thực hiện các báo cáo theo Quy chế của Ban Kiểm soát.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả công tác của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



NGUYỄN THỊ TRÌ

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 - 33 |

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 6000183273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 6 năm 1996 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã CPA theo Quyết định số 861/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-----------------------|--------------|
| Ông Trần Thanh Hải | Chủ tịch |
| Ông Hồ Sỹ Trung | Phó chủ tịch |
| Bà Trần Thị Lệ | Thành viên |
| Ông Lê Nguyên Hòa | Thành viên |
| Ông Trương Quang Tuấn | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|----------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Tri | Trưởng Ban |
| Bà Trần Thị Kim Oanh | Thành viên |
| Ông Phan Khắc Lăng | Thành viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Hồ Sỹ Trung | Tổng Giám đốc |
| Ông Trương Quang Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Dương Kim Nhung | Phó Tổng Giám đốc |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Sỹ Trung.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hồ Sỹ Trung
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61438888/21441628

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An (“Công ty”) được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày trong Thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh phát sinh trước ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần (ngày 1 tháng 9 năm 2017) với tổng số tiền 90.130.947.347 VND vào chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” trên bảng cân đối kế toán và phân bổ trong thời hạn 3 năm. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản được phân bổ trị giá 30.043.649.116 VND vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 30.043.649.116 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư còn lại của số chi phí trả trước dài hạn này là 20.029.099.410 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 50.072.748.526 VND).

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, toàn bộ chi phí hoạt động này phải được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh. Nếu Công ty ghi nhận phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” sẽ giảm với số tiền là 20.029.099.410 VND và chỉ tiêu “Lỗ lũy kế đến cuối năm trước” sẽ tăng với số tiền là 50.072.748.526 VND, và trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và chỉ tiêu “Lỗ thuần sau thuế TNDN” sẽ giảm với số cùng tiền là 30.043.649.116 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính trình bày việc Công ty phát sinh lỗ thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền là 51.371.289.928 VND, lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 104.311.236.394 VND và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 107.822.546.126 VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Nguyễn Quốc Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 69.860.196.173 | 94.404.352.171 |
| 110 | I. Tiền | 4 | 2.894.177.358 | 17.061.347.905 |
| 111 | 1. Tiền | | 2.894.177.358 | 17.061.347.905 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 12.382.964.456 | 13.114.640.666 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5.1 | 52.250.000 | 746.230.000 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5.2 | 681.542.682 | 376.005.682 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 6 | 190.925.000 | 1.391.900.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 15.514.326.581 | 12.457.306.194 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 8 | (4.056.079.807) | (1.856.801.210) |
| 140 | III. Hàng tồn kho | 9 | 54.340.558.246 | 63.897.143.063 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 59.162.787.112 | 63.897.143.063 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (4.822.228.866) | - |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 242.496.113 | 331.220.537 |
| 152 | 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 15 | 160.401.713 | 240.496.523 |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 15 | 82.094.400 | 90.724.014 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 141.130.295.257 | 188.884.408.031 |
| 210 | I. Khoản phải thu dài hạn | | 222.000.000 | 222.000.000 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 7 | 222.000.000 | 222.000.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 118.812.420.882 | 126.400.968.761 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 117.727.140.882 | 125.230.008.761 |
| 222 | Nguyên giá | | 304.344.781.219 | 297.588.738.156 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (186.617.640.337) | (172.358.729.395) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11 | 1.085.280.000 | 1.170.960.000 |
| 228 | Nguyên giá | | 1.285.200.000 | 1.285.200.000 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (199.920.000) | (114.240.000) |
| 240 | III. Tài sản dở dang dài hạn | | 670.916.149 | 10.596.103.845 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 12 | 670.916.149 | 10.596.103.845 |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 21.424.958.226 | 51.665.335.425 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 13 | 21.424.958.226 | 51.665.335.425 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 210.990.491.430 | 283.288.760.202 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 179.021.827.824 | 216.916.076.431 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 177.682.742.299 | 212.922.415.688 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 14.1 | 29.287.545.123 | 37.736.987.936 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 14.2 | 1.010.199.000 | 1.330.235.000 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 15.790.838 | 5.197.488.126 |
| 315 | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 1.023.045.036 | 2.423.813.640 |
| 319 | 5. Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 2.921.876.094 | 20.473.737.224 |
| 320 | 6. Vay ngắn hạn | 19 | 143.325.502.375 | 145.649.369.929 |
| 322 | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 98.783.833 | 110.783.833 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 1.339.085.525 | 3.993.660.743 |
| 338 | 1. Vay dài hạn | 19 | - | 2.503.136.243 |
| 342 | 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 18 | 1.339.085.525 | 1.490.524.500 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 31.968.663.606 | 66.372.683.771 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 20 | 31.968.663.606 | 66.372.683.771 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 136.279.900.000 | 136.279.895.524 |
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 136.279.900.000 | 136.279.895.524 |
| 411a | | | (104.311.236.394) | (69.907.211.753) |
| 421 | 2. Lỗ lũy kế | | (52.939.946.466) | (35.230.134.988) |
| 421a | - Lỗ lũy kế đến cuối năm trước | | (51.371.289.928) | (34.677.076.765) |
| 421b | - Lỗ năm nay | | | |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 210.990.491.430 | 283.288.760.202 |



Lê Văn Khuân
Người lập



Phan Viết Lâm
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|-------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| 10 | 1. Doanh thu thuần về bán hàng | 21.1 | 188.028.500.595 | 197.748.017.560 |
| 11 | 2. Giá vốn hàng bán | 22 | (186.491.236.375) | (180.920.436.923) |
| 20 | 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng | | 1.537.264.220 | 16.827.580.637 |
| 21 | 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 21.2 | 730.183.825 | 1.015.030.937 |
| 22 | 5. Chi phí tài chính | 23 | (8.694.423.088) | (11.822.494.189) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | (7.095.192.459) | (11.456.132.698) |
| 25 | 6. Chi phí bán hàng | 24 | (5.617.278.544) | (4.816.403.496) |
| 26 | 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 24 | (37.964.002.651) | (35.728.778.698) |
| 30 | 8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh | | (50.008.256.238) | (34.525.064.809) |
| 31 | 9. Thu nhập khác | 25 | 181.721.818 | 29.786.481 |
| 32 | 10. Chi phí khác | 25 | (1.544.755.508) | (181.798.437) |
| 40 | 11. Lỗ khác | 25 | (1.363.033.690) | (152.011.956) |
| 50 | 12. Tổng lỗ kế toán trước thuế | | (51.371.289.928) | (34.677.076.765) |
| 51 | 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 27.1 | - | - |
| 60 | 14. Lỗ thuần sau thuế TNDN | | (51.371.289.928) | (34.677.076.765) |



Lê Văn Khuân
Người lập



Phan Việt Lâm
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|---|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Tổng lỗ kế toán trước thuế | | (51.371.289.928) | (34.677.076.765) |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn | 10, 11 | 14.930.893.106 | 15.244.589.031 |
| 03 | Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng) | | 6.870.068.488 | (745.343.768) |
| 04 | Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | - | 5.252.356 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (103.498.272) | (472.279.539) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 23 | 7.095.192.459 | 11.456.132.698 |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (22.578.634.147) | (9.188.725.987) |
| 09 | (Tăng) giảm các khoản phải thu | | (1.378.877.963) | 418.702.493 |
| 10 | Giảm hàng tồn kho | | 7.559.809.626 | 3.576.691.782 |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (14.940.248.577) | (64.053.303.309) |
| 12 | Giảm chi phí trả trước | | 30.240.377.199 | 30.367.455.591 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (8.630.337.361) | (9.494.439.232) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (12.000.000) | (23.820.886) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh | | (9.739.911.223) | (48.397.439.548) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định | | (123.038.228) | (899.372.530) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý TSCĐ | | - | 46.681.818 |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi | | 522.782.701 | 569.836.888 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư | | 399.744.473 | (282.853.824) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 19 | 319.826.638.168 | 340.265.495.618 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | 19 | (324.653.641.965) | (364.466.153.530) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (4.827.003.797) | (24.200.657.912) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|------------------|------------------|
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (14.167.170.547) | (72.880.951.284) |
| 60 | Tiền đầu năm | | 17.061.347.905 | 89.947.551.545 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | (5.252.356) |
| 70 | Tiền cuối năm | 4 | 2.894.177.358 | 17.061.347.905 |



Lê Văn Khuân
Người lập



Phan Việt Lâm
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 6000183273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 6 năm 1996 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã CPA theo Quyết định số 861/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 52 (31 tháng 12 năm 2018: 57).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam Đồng ("VND") và được lập theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 số tiền là 51.371.289.928 VND và cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty là 104.311.236.394 VND. Ngoài ra, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 107.822.546.126 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty nếu không nhận được sự hỗ trợ liên tục về mặt tài chính từ chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood – công ty mẹ của Công ty, đã cam kết có đủ khả năng và sẽ tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính để Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Vì vậy, báo cáo tài chính không bao gồm các bút toán điều chỉnh cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|-----------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 20 năm |
| Vườn cây lâu năm | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận chuyển | 10 năm |
| Thiết bị và dụng cụ quản lý | 5 - 8 năm |
| Quyền sử dụng đất | 15 năm |
| Tài sản khác | 5 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về đầu tư dự án trồng bơ, sầu riêng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo như nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

| | VND | |
|--------------------|----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | 216.464.269 | 1.967.757.984 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.677.713.089 | 15.093.589.921 |
| TỔNG CỘNG | 2.894.177.358 | 17.061.347.905 |

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | VND | |
|--|-------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28) | 46.900.000 | - |
| Phải thu các bên khác | 5.350.000 | 746.230.000 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Cà Phê Quang Minh | - | 740.880.000 |
| - Khác | 5.350.000 | 5.350.000 |
| TỔNG CỘNG | 52.250.000 | 746.230.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | VND | |
|---|--------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ông Lê Văn Khuân | 277.700.000 | 240.000.000 |
| Cửa hàng Nông cơ - Cơ khí Phi Linh | 75.000.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quý Sơn | 70.000.000 | - |
| Khác | 258.842.682 | 136.005.682 |
| TỔNG CỘNG | 681.542.682 | 376.005.682 |

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|--------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ông Phan Viết Lâm | 150.000.000 | 200.000.000 |
| Ông Trương Quang Tuấn | 40.925.000 | 1.140.000.000 |
| Khác | - | 51.900.000 |
| TỔNG CỘNG | 190.925.000 | 1.391.900.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i> | 190.925.000 | 1.340.000.000 |
| <i>Bên thứ ba</i> | - | 51.900.000 |

Chi tiết phải thu về các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn được trình bày như sau:

| Tên | Số cuối năm (VND) | Ngày đáo hạn | Lãi suất (%/p.a.) |
|-----------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|
| Ông Phan Viết Lâm | 150.000.000 | Ngày 30 tháng 9 năm 2020 | Không lãi suất |
| Ông Trương Quang Tuấn | 40.925.000 | Ngày 30 tháng 9 năm 2020 | 9,0 |
| TỔNG CỘNG | 190.925.000 | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

| | VND | |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 15.514.326.581 | 12.457.306.194 |
| Phải thu các hộ dân về hao hụt khoán sản phẩm | 7.634.976.110 | 6.379.716.820 |
| Phải thu các hộ dân về trồng bơ tại vườn Cà phê An Thuận | 2.761.840.237 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 2.468.063.915 | 2.546.506.706 |
| Phải thu về chuyển nhượng vườn cây Khác | 1.186.022.954 1.463.423.365 | 1.186.022.954 2.345.059.714 |
| Dài hạn | 222.000.000 | 222.000.000 |
| Kỳ cược, kỳ quỹ | 222.000.000 | 222.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 15.736.326.581 | 12.679.306.194 |
| Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi | (4.056.079.807) | (1.856.801.210) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 11.680.246.774 | 10.822.504.984 |

Chi tiết dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày như sau:

| | VND | |
|------------------------------------|---------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 1.856.801.210 | 2.602.144.978 |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | 2.199.278.597 | - |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm | - | (745.343.768) |
| Số cuối năm | 4.056.079.807 | 1.856.801.210 |

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | VND | | |
|---|-----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị thuần | Giá trị | | Dự phòng | Giá trị thuần |
| | | | | | | | |
| Phải thu các hộ dân về hao hụt khoán sản phẩm | 7.634.976.110 | 3.329.498.218 | 4.305.477.892 | 6.379.716.820 | 1.486.289.942 | 4.893.426.878 | |
| Tạm ứng cho nhân viên | 2.468.063.915 | 370.511.268 | 2.097.552.647 | 2.546.506.706 | 370.511.268 | 2.175.995.438 | |
| Chi phí trả hộ | 634.393.961 | 356.070.321 | 278.323.640 | 871.310.572 | - | 871.310.572 | |
| TỔNG CỘNG | 10.737.433.986 | 4.056.079.807 | 6.681.354.179 | 9.797.534.098 | 1.856.801.210 | 7.940.732.888 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

| | VND | |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Thành phẩm | 26.783.798.722 | 13.671.082.715 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 18.829.441.246 | 18.106.742.769 |
| Hàng hóa | 12.810.252.772 | 31.525.313.011 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 481.814.320 | 444.664.396 |
| Công cụ và dụng cụ | 257.480.052 | 149.340.172 |
| TỔNG CỘNG | 59.162.787.112 | 63.897.143.063 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (4.822.228.866) | - |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 54.340.558.246 | 63.897.143.063 |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

| | VND | |
|------------------------------------|---------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | - | - |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | 4.822.228.866 | - |
| Số cuối năm | 4.822.228.866 | - |

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Vườn cây lâu năm | Phương tiện vận chuyển | Thiết bị và dụng cụ quản lý | Tài sản khác | Tổng cộng |
|--|-----------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------|--------------------------------|---------------|-------------------|
| Nguyên giá | | | | | | | VND |
| Số đầu năm | 85.130.340.653 | 39.894.214.884 | 168.679.409.892 | 1.900.000.000 | 1.485.450.000 | 499.322.727 | 297.588.738.156 |
| Mua mới | - | 136.477.300 | - | - | 45.363.636 | - | 181.840.936 |
| Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành | - | - | 7.579.788.720 | - | - | - | 7.579.788.720 |
| Thanh lý/xóa sổ | - | - | (1.005.586.593) | - | - | - | (1.005.586.593) |
| Số cuối năm | 85.130.340.653 | 40.030.692.184 | 175.253.612.019 | 1.900.000.000 | 1.530.813.636 | 499.322.727 | 304.344.781.219 |
| Trong đó: | | | | | | | |
| Đã khấu hao hết | 132.000.000 | 9.178.527.646 | - | - | 167.662.000 | - | 9.478.189.646 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | | | | | |
| Số đầu năm | (44.859.825.073) | (25.228.716.164) | (99.796.869.227) | (1.217.768.999) | (1.056.976.605) | (198.573.327) | (172.358.729.395) |
| Khấu hao trong năm | (5.967.787.866) | (3.581.540.062) | (4.769.609.519) | (173.970.564) | (252.440.543) | (99.864.552) | (14.845.213.106) |
| Thanh lý/xóa sổ | - | - | 586.302.164 | - | - | - | 586.302.164 |
| Số cuối năm | (50.827.612.939) | (28.810.256.226) | (103.980.176.582) | (1.391.739.563) | (1.309.417.148) | (298.437.879) | (186.617.640.337) |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số đầu năm | 40.270.515.580 | 14.665.498.720 | 68.882.540.665 | 682.231.001 | 428.473.395 | 300.749.400 | 125.230.008.761 |
| Số cuối năm | 34.302.727.714 | 11.220.435.958 | 71.273.435.437 | 508.260.437 | 221.396.488 | 200.884.848 | 117.727.140.882 |

Tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị còn lại là 89.260.823.460 VND đã được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | VND |
|-------------------------------|--------------------------|
| | <i>Quyền sử dụng đất</i> |
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 1.285.200.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số đầu năm | (114.240.000) |
| Hao mòn trong năm | (85.680.000) |
| Số cuối năm | (199.920.000) |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 1.170.960.000 |
| Số cuối năm | 1.085.280.000 |

Tài sản cố định vô hình của Công ty với giá trị còn lại là 1.085.280.000 VND đã được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (*Thuyết minh số 19*).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | VND | |
|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Dự án trồng sầu riêng | 441.004.154 | 531.975.556 |
| Dự án trồng bơ | 229.911.995 | 10.064.128.289 |
| TỔNG CỘNG | 670.916.149 | 10.596.103.845 |

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | VND | |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Chi phí hoạt động kinh doanh (i) | 20.029.099.410 | 50.072.748.526 |
| Giá trị lợi thế kinh doanh (ii) | 1.168.644.847 | 1.473.508.720 |
| Công cụ, dụng cụ | 227.213.969 | 119.078.179 |
| TỔNG CỘNG | 21.424.958.226 | 51.665.335.425 |

(i) Đây là chi phí giá vốn hàng bán, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp với tổng số tiền là 90.130.947.347 VND vào ngày 31 tháng 8 năm 2017. Các chi phí này phát sinh trước khi chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần và Ban Tổng Giám đốc sẽ phân bổ trong 3 năm vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2017.

(ii) Đây là lợi thế kinh doanh của Công ty được xác định khi chuyển đổi công ty nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định 43/QĐ-UBND vào ngày 6 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá trị cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

| | VND | |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả hộ dân về vượt khoán sản phẩm cà phê | 24.579.285.691 | 35.744.581.236 |
| Công ty TNHH MTV Cà Phê - Ca Cao Tháng 10 | 3.405.365.000 | - |
| Khác | 1.302.894.432 | 1.992.406.700 |
| TỔNG CỘNG | <u>29.287.545.123</u> | <u>37.736.987.936</u> |

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | VND | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thái | 262.280.000 | - |
| Công ty TNHH Huyền Thoại Núi | 260.208.000 | 982.812.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Minh Định | 209.607.000 | - |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sư Tử Vàng | 125.160.000 | 125.160.000 |
| Công ty TNHH Sopex Việt Nam | 110.000.000 | - |
| Khác | 42.944.000 | 222.263.000 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.010.199.000</u> | <u>1.330.235.000</u> |

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | | | | VND |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| | Số đầu năm | Tăng | Giảm | Số cuối năm |
| Phải thu | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 240.496.523 | 924.196.034 | (1.004.290.844) | 160.401.713 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 82.094.400 | - | - | 82.094.400 |
| Thuế khác | 8.629.614 | 557.789 | (9.187.403) | - |
| TỔNG CỘNG | <u>331.220.537</u> | <u>924.753.823</u> | <u>(1.013.478.247)</u> | <u>242.496.113</u> |
| Phải trả | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 6.310.242 | 88.792.262 | (79.311.666) | 15.790.838 |
| Tiền thuê đất phải nộp nhà nước | 5.191.177.884 | 1.941.603.068 | (7.132.780.952) | - |
| TỔNG CỘNG | <u>5.197.488.126</u> | <u>2.030.395.330</u> | <u>(7.212.092.618)</u> | <u>15.790.838</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí phải trả ngắn hạn thể hiện khoản chi phí lãi vay trích trước cho các khoản vay từ ngân hàng.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Phải trả về cổ phần hóa cho hộ dân nhận khoán vườn cây | 2.598.672.808 | 2.598.672.808 |
| Phải trả về cổ phần hóa cho nhà nước | - | 17.123.272.210 |
| Các khoản khác | 323.203.286 | 751.792.206 |
| TỔNG CỘNG | <u>2.921.876.094</u> | <u>20.473.737.224</u> |

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả.

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Phân loại lại | Số cuối năm |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|-------------|
| | Đi vay | Trả nợ gốc vay | Đi vay | Trả nợ gốc vay | | |
| Ngắn hạn | 145.649.369.929 | 319.826.638.168 | (322.689.470.465) | 538.964.743 | 143.325.502.375 | |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1) | 92.379.369.929 | 256.766.638.168 | (265.629.470.465) | - | 83.516.537.632 | |
| Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 19.2) | 42.000.000.000 | 12.500.000.000 | - | - | 54.500.000.000 | |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3) | 1.100.000.000 | - | (1.100.000.000) | 538.964.743 | 538.964.743 | |
| Vay từ cá nhân (Thuyết minh số 19.4) | 10.170.000.000 | 50.560.000.000 | (55.960.000.000) | - | 4.770.000.000 | |
| Dài hạn | 2.503.136.243 | - | (1.964.171.500) | (538.964.743) | - | |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.3) | 2.503.136.243 | - | (1.964.171.500) | (538.964.743) | - | |
| TỔNG CỘNG | 148.152.506.172 | 319.826.638.168 | (324.653.641.965) | - | 143.325.502.375 | |

19.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

| Ngân hàng | Số cuối năm (VND) | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 10 và 11) |
|--|-----------------------|---|---------------------|--|
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk | 81.996.858.612 | Từ ngày 4 tháng 2 năm 2020 đến ngày 30 tháng 5 năm 2020 | Từ 7,0 đến 9,0 | Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc và vườn cây lâu năm tại Km 26, Quốc lộ 26, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk ("Phước An"); Quyền sử dụng đất và vườn cây lâu năm tại Km 67, Quốc lộ 14, Huyện Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk ("An Thuận") |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk | 1.519.679.020 | Từ ngày 6 tháng 2 năm 2020 đến ngày 7 tháng 2 năm 2020 | 8 | Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc tại Văn phòng An Thuận; trung tâm giới thiệu sản phẩm (CADA), máy móc và phương tiện vận tải |
| TỔNG CỘNG | 83.516.537.632 | | | |

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

| Đối tượng | Số cuối năm (VND) | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|--|-----------------------|----------------|---------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood | <u>54.500.000.000</u> | Không thời hạn | Không lãi suất | Tín chấp |

19.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

| Ngân hàng | Số cuối năm (VND) | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|--|----------------------|--------------------------|---------------------|--|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk | <u>538.964.743</u> | Ngày 13 tháng 2 năm 2020 | 8,5 | Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc tại Văn phòng An Thuận; trung tâm giới thiệu sản phẩm (CADA) |

Trong đó:

Nợ dài hạn đến hạn trả
538.964.743

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Vay từ các cá nhân

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân nhằm bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

| Đối tượng | Số cuối năm (VND) | Ngày đáo hạn | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|------------------------|----------------------|--------------------------|---------------------|-------------------|
| Bà Hồ Thị Trà My | 1.400.000.000 | Ngày 29 tháng 2 năm 2020 | 9,6 | Tín chấp |
| Bà Nguyễn Thị Hương | 1.250.000.000 | Ngày 29 tháng 2 năm 2020 | 9,6 | Tín chấp |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh | 950.000.000 | Ngày 29 tháng 2 năm 2020 | 9,6 | Tín chấp |
| Ông Phan Trường Lâm | 550.000.000 | Ngày 3 tháng 7 năm 2020 | 9,6 | Tín chấp |
| Bà Trần Thị Khả | 400.000.000 | Ngày 29 tháng 2 năm 2020 | 9,6 | Tín chấp |
| Bà Lê Thị Tú | 220.000.000 | Ngày 29 tháng 2 năm 2020 | 9,6 | Tín chấp |
| TỔNG CỘNG | 4.770.000.000 | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | | | VND |
|---------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
| | Vốn cổ phần | Lũy kế | Tổng cộng |
| Năm trước | | | |
| Số đầu năm | 136.279.895.524 | (35.230.134.988) | 101.049.760.536 |
| Lũy thừa trong năm | - | (34.677.076.765) | (34.677.076.765) |
| Số cuối năm | <u>136.279.895.524</u> | <u>(69.907.211.753)</u> | <u>66.372.683.771</u> |
| Năm nay | | | |
| Số đầu năm | 136.279.895.524 | (69.907.211.753) | 66.372.683.771 |
| Lũy thừa trong năm | - | (51.371.289.928) | (51.371.289.928) |
| Bù đắp lỗ từ Nhà nước (*) | - | 16.967.265.287 | 16.967.265.287 |
| Khác | 4.476 | - | 4.476 |
| Số cuối năm | <u>136.279.900.000</u> | <u>(104.311.236.394)</u> | <u>31.968.663.606</u> |

(*) Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phê duyệt quyết toán tiền thu từ bán cổ phần, quyết toán phần vốn Nhà nước của Công ty tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1424/QĐ-UBND vào ngày 18 tháng 6 năm 2019. Theo đó, số lỗ lũy kế phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) đến ngày 31 tháng 8 năm 2017 (thời điểm chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần) được bù đắp với tổng số tiền là 16.967.265.287 VND.

20.2 Chi tiết vốn cổ phần

| | Số cuối năm | | |
|------------------------------|--------------------------|---------------------|-------------------------------|
| | Cổ phiếu phổ thông | % sở hữu | Vốn cổ phần đã góp (VND) |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm | | | |
| Dinh dưỡng Nutifood | 8.267.808 | 60,67 | 82.678.080.000 |
| Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk | 4.769.796 | 35,00 | 47.697.960.000 |
| Đối tượng khác | 590.386 | 4,33 | 5.903.860.000 |
| TỔNG CỘNG | <u>13.627.990</u> | <u>100,0</u> | <u>136.279.900.000</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng

| | VND | |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu thuần về bán hàng | <u>188.028.500.595</u> | <u>197.748.017.560</u> |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 162.106.109.994 | 168.326.684.607 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 25.922.390.601 | 29.421.332.953 |

21.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính

| | VND | |
|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 207.401.124 | 445.194.049 |
| Lãi tiền gửi và lãi cho vay | 118.467.652 | 540.194.540 |
| Khác | 404.315.049 | 29.642.348 |
| TỔNG CỘNG | <u>730.183.825</u> | <u>1.015.030.937</u> |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | VND | |
|--------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn hàng hóa | 161.420.187.202 | 158.324.614.348 |
| Giá vốn thành phẩm | 25.071.049.173 | 22.595.822.575 |
| TỔNG CỘNG | <u>186.491.236.375</u> | <u>180.920.436.923</u> |

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|----------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 7.095.192.459 | 11.456.132.698 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 35.862.903 | 22.889.245 |
| Khác | 1.563.367.726 | 343.472.246 |
| TỔNG CỘNG | <u>8.694.423.088</u> | <u>11.822.494.189</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí bán hàng | 5.617.278.544 | 4.816.403.496 |
| Chi phí mua ngoài | 3.955.793.588 | 3.723.859.605 |
| Lương nhân viên | 845.182.252 | 669.384.464 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 22.331.746 | 34.095.417 |
| Khác | 793.970.958 | 389.064.010 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 37.964.002.651 | 35.728.778.698 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh (*) | 30.043.649.116 | 30.043.649.116 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 1.849.919.600 | 1.862.618.976 |
| Lương nhân viên | 1.258.698.812 | 1.343.754.992 |
| Chi phí mua ngoài | 793.522.113 | 757.941.030 |
| Khác | 4.018.213.010 | 1.720.814.584 |
| TỔNG CỘNG | <u>43.581.281.195</u> | <u>40.545.182.194</u> |

(*) Các chi phí hoạt động kinh doanh phát sinh trước khi chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần và Ban Tổng Giám đốc sẽ phân bổ trong 3 năm kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh số 13).

25. DOANH THU KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | VND | |
|-------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập khác | 181.721.818 | 29.786.481 |
| Các khoản khác | 181.721.818 | 29.786.481 |
| Chi phí khác | (1.544.755.508) | (181.798.437) |
| Phạt vi phạm hợp đồng | (1.015.068.758) | - |
| Thanh lý/xóa sổ tài sản | (419.284.429) | (97.557.349) |
| Chi phí khác | (110.402.321) | (84.241.088) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | <u>(1.363.033.690)</u> | <u>(152.011.956)</u> |

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí hàng hóa | 160.992.160.923 | 144.458.154.993 |
| Phân bổ chi phí hoạt động | 30.043.649.116 | 30.043.649.116 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 16.064.308.405 | 22.168.990.382 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11) | 14.930.893.106 | 15.244.589.031 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.765.855.450 | 2.632.985.473 |
| Chi phí nhân công | 2.103.881.064 | 2.013.139.456 |
| Chi phí khác | 3.171.769.506 | 4.904.110.666 |
| TỔNG CỘNG | <u>230.072.517.570</u> | <u>221.465.619.117</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty 20% lợi nhuận chịu thuế.

Do Công ty bị lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 nên Công ty không trích thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

| | VND | |
|-----------------------------|---------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | VND | |
|--|-------------------------|-------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lỗ kế toán trước thuế | (51.371.289.928) | (34.677.076.765) |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% | (10.274.257.986) | (6.935.415.353) |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i> | | |
| Các chi phí không được trừ | 7.458.022.050 | 8.325.391.731 |
| Các chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại | 1.374.013.698 | (149.068.754) |
| Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai | 1.442.222.238 | - |
| Chuyển lỗ thuế của các năm trước | - | (1.240.907.624) |
| Chi phí thuế TNDN | - | - |

27.2 Lỗ thuế

Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 25.444.949.856 VND (2018: 18.233.838.666 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế | VND | | |
|---------------|--------------------------|-----------------------|----------------------------------|----------------------|------------------------------------|
| | | | Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2019 | Không được chuyển lỗ | Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2019 |
| 2017 | 2022 | 24.438.376.786 | (6.204.538.120) | - | 18.233.838.666 |
| 2019 | 2024 | 7.211.111.190 | - | - | 7.211.111.190 |
| TOTAL | | 31.649.487.976 | (6.204.538.120) | - | 25.444.949.856 |

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 25.444.949.856 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

27.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

Các chênh lệch tạm thời

| | VND | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Lỗ tính thuế | 25.444.949.856 | 18.233.838.666 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 4.822.228.866 | - |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 4.056.079.807 | 1.856.801.210 |
| Trợ cấp thôi việc phải trả | 1.339.085.525 | 1.490.524.500 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | - | 5.252.356 |
| TỔNG CỘNG | 35.662.344.054 | 21.586.416.732 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan năm nay và năm trước như sau:

| VND | | | | |
|---|--------------------|---------------------------|----------------|------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood | Công ty mẹ | Vay | 12.500.000.000 | 42.000.000.000 |
| | | Bán hàng | 1.403.705.000 | 1.960.000 |
| | | Mua hàng | - | 209.060.562 |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| VND | | | | |
|--|--------------------|---------------------------|--------------------|----------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood | Công ty mẹ | Bán hàng | 46.900.000 | - |
| <i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i> | | | | |
| Ông Phan Viết Lâm | Kế toán trưởng | Cho vay | 150.000.000 | 200.000.000 |
| Ông Trương Quang Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Cho vay | 40.925.000 | 1.140.000.000 |
| | | | 190.925.000 | 1.340.000.000 |
| <i>Vay ngắn hạn</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood | Công ty mẹ | Vay | 54.500.000.000 | 42.000.000.000 |

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

| VND | | |
|---------------------------|----------------|------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Lương và các lợi ích khác | 1.202.000.000 | 1.026.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

| | VND | |
|------------------|--------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Đến 1 năm | 481.347.110 | 1.356.432.034 |
| Từ 1 – 5 năm | 37.008.640 | 1.326.727.895 |
| TỔNG CỘNG | 518.355.750 | 2.683.159.929 |

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|-------------|------------|
| Các loại ngoại tệ: | | |
| - Đô la Mỹ (USD) | 1.762 | 86.814 |

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Lê Văn Khuân
Người lập



Phan Viết Lâm
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An năm 2019 và phân phối lợi nhuận như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | 31-12-2019 | 31-12-2018 |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN: | 210.990.491.430 | 283.288.760.202 |
| 1-Tài sản ngắn hạn | 69.860.196.173 | 94.404.352.171 |
| + Tiền | 2.894.177.358 | 17.061.347.905 |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn | 12.382.964.456 | 13.114.640.666 |
| + Hàng tồn kho | 54.340.558.246 | 63.897.143.063 |
| + Tài sản ngắn hạn khác | 242.496.113 | 331.220.537 |
| 2-Tài sản dài hạn | 141.130.295.257 | 188.884.408.031 |
| + Khoản phải tu dài hạn | 222.000.000 | 222.000.000 |
| + Tài sản cố định | 118.812.420.882 | 126.400.968.761 |
| + Tài sản dở dang dài hạn | 670.916.149 | 10.596.103.845 |
| + Tài sản dài hạn khác | 21.424.958.226 | 51.665.335.425 |
| NGUỒN VỐN: | 210.990.491.430 | 283.288.760.202 |
| 1-Nợ phải trả | 179.021.827.824 | 216.916.076.431 |
| + Nợ ngắn hạn | 177.682.742.299 | 212.922.415.688 |
| + Nợ dài hạn | 1.339.085.525 | 3.993.660.743 |
| 2-Vốn chủ sở hữu | 31.968.663.606 | 66.372.683.771 |
| +Vốn đầu tư chủ sở hữu | 136.279.900.000 | 136.279.895.524 |
| Vốn nhà nước(35%) | 47.697.965.000 | 47.697.963.433 |
| Vốn các nhà đầu tư(65%) | 88.581.935.000 | 88.581.932.091 |
| + Lũy kế: | (104.311.236.394) | (69.907.211.753) |

1.2- Kết quả hoạt động SXKD:

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|---------|-----------------------|-----------------------|
| -Tổng Doanh thu | VNĐ | 188.940.406.238 | 198.792.834.978 |
| -Tổng Chi phí | VNĐ | 240.311.696.166 | 233.469.911.743 |
| <i>Trong đó: phân bổ chi phí dở dang</i> | | <i>30.043.649.116</i> | <i>30.043.649.116</i> |
| -Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế. | VNĐ | (51.371.289.928) | (34.677.076.765) |
| -Tổng số cổ phần phổ thông | Cổ phần | 13.627.990 | 13.627.990 |
| -Lãi(+), Lỗ(-) cơ bản trên cổ phần | VNĐ/CP | (3.769) | (2.544) |

Nguyên nhân:

+ Do đặc thù ngành nông nghiệp, chi phí sản xuất dở dang trước khi cổ phần hóa chuyển sang 90,13 tỷ đồng phân bổ 10 năm, nhưng theo kiểm toán chi phân bổ trong 03 năm cho nên kết quả kinh doanh không hiệu quả.

+ Nguồn vốn của Công ty 100% vốn vay Ngân hàng vì vậy Chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Giá bán Cà phê thị trường giảm mạnh trong năm 2019, Giá bán thấp hơn giá thành sản xuất, dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng và không có hiệu quả.

Thông tin chi tiết, kính đề nghị Quý vị cổ đông xem trong Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An năm 2019 đã được kiểm toán công bố trên website công ty.

2. Phân phối lợi nhuận:

Do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty không hiệu quả, do vậy Công ty không có lợi nhuận để phân phối và chia trả cổ tức cho các cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.



Trần Thanh Hải

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An;
- Căn cứ thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 phê duyệt kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

I/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

1. Chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2020:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|---------|----------|---------|
| 1 | Tổng Doanh thu | Tỷ đồng | 190 | |
| 2 | Chi phí phát sinh | Tỷ đồng | 187,5 | |
| 3 | Lợi nhuận thực tế phát sinh. | Tỷ đồng | 2,5 | |
| 4 | Phân bổ chi phí dõ dang năm trước | Tỷ đồng | 20,029 | |
| 5 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | (17,529) | |
| 8 | Hạn mức huy động vốn KD | Tỷ đồng | 100 | |

** Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho HĐQT Quyết định điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế: Các chỉ tiêu SXKD & hạn mức huy động vốn kinh doanh năm 2020.*

2. Tổ chức thực hiện: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Quyết định tổ chức mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo phát triển Doanh nghiệp.

II/ Phân phối lợi nhuận:

Do kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 phân bổ chi phí còn dờ dang của năm trước dẫn đến Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không hiệu

quả. Vì vậy không có lợi nhuận để phân phối và chia cổ tức cho các cổ đông trong năm 2020.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch

Trần Thanh Hải

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019 và phương án chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2020)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

I/ Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:

1. Thực hiện năm 2019:

- **Kế hoạch:** Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29-8-2018, kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS công ty (gồm 08 người, HĐQT: 5 người và BKS: 03 người), với tổng số tiền 486.000.000 đồng.

- **Thực tế chi:** Do trong năm 2019, Công ty Cổ phần Cà phê Phước An thực hiện các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch SXKD đạt thấp, bị lỗ. Do đó, HĐQT không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

2. Kế hoạch năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 tương tự như mức thù lao đã được thông qua ĐHĐCĐ năm 2019, mức chi trả như sau:

| TT | Chức danh | Số người | Mức thù lao Người/tháng | Số tháng | Thành tiền (đồng) |
|-----|-------------------|-----------|-------------------------|----------|----------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) = (3) x (4) x(5) |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | 6.000.000 | 12 | 72.000.000 |
| 2 | Phó Chủ tịch HĐQT | 01 | 5.500.000 | 12 | 66.000.000 |
| 3 | Thành viên HĐQT | 03 | 5.000.000 | 12 | 180.000.000 |
| 4 | Trưởng ban KS | 01 | 5.000.000 | 12 | 60.000.000 |
| 5 | Thành viên BKS | 02 | 4.500.000 | 12 | 108.000.000 |
| | Tổng cộng | 08 | | | 486.000.000 |

II/Tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát công ty:

1. Thực hiện năm 2019:

Do kết quả thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 bị lỗ, vì vậy Hội đồng quản trị Công ty thống nhất không chi thưởng cho HĐQT và BKS.

2. Kế hoạch năm 2020:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định chi trả tiền thưởng cho HĐQT, BKS phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Trần Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ PHƯỚC AN**

=★=

Số : 04 /TTr-ĐHĐCĐ-2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cà Phê Phước An.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn công ty kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ; Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán có đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2020 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, TCKT.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Trần Thanh Hải

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN
(V/v: Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2017 - 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Phước An.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An.

Hội đồng quản trị Công ty CP cà phê Phước An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 xem xét thông qua bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát nội dung sau:

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 là :03 thành viên (đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thành lập ngày 10/08/2017).

2. Sự cần thiết bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát : Ngày 15/05/2020 ông Phan Khắc Lăng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 có Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên BKS của Công ty cổ phần Cà phê Phước an kể từ ngày 30/06/2020

3. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của ông Phan Khắc Lăng và tiến hành bầu thay thế 01 thành viên Ban kiểm soát vào nội dung Đại hội đồng thường niên năm 2020 để biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An và Luật doanh nghiệp năm 2014.

4. Phương án bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát:

Số lượng bầu thay thế : 01 người.

Cơ cấu: Theo sự đề cử của cổ đông có quyền đề cử và được bầu tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

5. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát:

Cổ đông đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An có quyền tự ứng cử hoặc đề cử thành viên Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông bầu tại đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT, VP.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Trần Thanh Hải

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
CHỨC DANH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cà phê Phước An
- Hội đồng quản trị Công ty CP Cà phê Phước An
- Ban kiểm soát Công ty CP Cà phê Phước An

Tôi tên: **Phan Khắc Lăng**

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Cà phê Phước An.

Nay tôi viết đơn này kính trình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát CTCP Cà phê Phước An nội dung như sau:

Tại Đại hội đồng cổ đông thành lập CTCP Cà phê Phước An được tổ chức ngày 10/8/2017, tôi được bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 5 năm, từ 2017-2022. Trong thời gian công tác tôi đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình để phục vụ cho Công ty và lợi ích của các cổ đông.

Tuy nhiên, hiện nay vì lý do cá nhân, bản thân tôi không thể đảm nhiệm vai trò thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

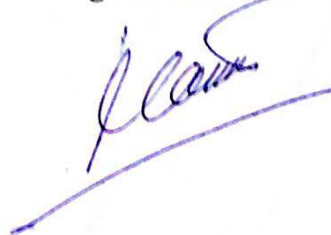
Vì vậy, tôi viết đơn này kính trình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát CTCP Cà phê Phước An đồng ý cho tôi miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 30/6/2020.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cà phê Phước An thông qua đơn từ nhiệm của tôi.

Trân trọng cảm ơn.

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 5 năm 2020

Người viết đơn



PHAN KHẮC LĂNG

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO

V/v Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần cà phê Phước An
(Bầu thay thế thành viên từ nhiệm)

Kính gửi: Quý vị cổ đông,

Căn cứ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Phước An.

Hội đồng quản trị thông báo tới Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022 (bầu thay thế thành viên từ nhiệm) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

I. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát:

1. Tiêu chuẩn của các ứng viên được đề cử vào Ban kiểm soát (theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014):

(1) Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

b) Có kinh nghiệm công tác từ ba (03) năm trở lên, hiểu biết về pháp luật.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Điều kiện đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017– 2020: Khoản 6 Điều 59 Điều lệ công ty quy định:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết liên tục từ sáu tháng trở lên đề cử. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% số cổ phần có quyền đề cử một (1) thành viên; từ trên 20% đến 40% được đề cử hai (2) thành viên; từ trên 40% đến 60% được đề cử ba (3) thành viên; từ trên 60% đến 80% được đề cử bốn (4) thành viên và nếu lớn hơn 80% trở lên được đề cử năm (5) thành viên.

III. Hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ đề cử, ứng cử vào BKS bao gồm:

- Đơn xin đề cử hoặc ứng cử tham gia BKS (mẫu số 1);
- Đơn đề cử thành viên BKS dành cho nhóm cổ đông (mẫu số 2);
- Sơ yếu lý lịch ứng cử viên tự khai (mẫu số 3);
- Bản sao hợp lệ CMND/ Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy chứng nhận tạm trú dài hạn), các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

IV. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Hội đồng quản trị công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung vào BKS nhiệm kỳ 2017- 2022.

V. Thời hạn và địa chỉ gửi Hồ sơ đề cử, ứng cử

Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi về Văn phòng công ty trước 16h30 ngày 23/06/2020 (tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty cổ phần cà phê Phước An

Km 26 – QL26 – huyện Krông Pắc – tỉnh Đắk Lắk.

Email: huy.phuocan@gmail.com

Nếu quá thời gian trên, Công ty không nhận được hồ sơ ứng cử, đề cử của quý cổ đông thì Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện để ứng cử làm thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2017-2022.

Trân trọng thông báo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Công ty cổ phần cà phê Phước An

Tôi tên là:

Là đại diện hợp pháp của công ty/tổ chức (nếu có)

Đang sở hữucổ phần trong vòng 06 tháng liên tiếp trở lên, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền đề cử, ứng cử (theo danh sách Công ty chốt ngày 10/6/2020).

Sau khi nghiên cứu Quy chế bầu cử thành viên thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2020 của Công ty cổ phần cà phê Phước An, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 -2022.

Hồ sơ đính kèm đơn này gồm:

- Sơ yếu lý lịch;
- Bản sao CMND.
- Văn bằng, chứng chỉ

Nếu được trúng cử, tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng!

....., ngàythángnăm 2020

ỨNG CỬ VIÊN
(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THAM GIA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Công ty cổ phần cà phê Phước An

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông của Công ty cổ phần cà phê Phước An đang nắm giữcổ phần trong vòng 06 tháng liên tiếp trở lên, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách Công ty chốt ngày 10/6/2020), có tên trong danh sách dưới đây:

| TT | Cổ đông | Số CP sở hữu | Ký tên, đóng dấu (nếu có) |
|----|---------|--------------|---------------------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Sau khi nghiên cứu Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022 của Công ty cổ phần cà phê Phước An, tôi/chúng tôi nhất trí đề cử Ông/Bà có tên trong danh sách dưới đây tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017- 2022:

| TT | Họ tên | Số CMND | Địa chỉ thường trú | Số cổ phần sở hữu |
|----|--------|---------|--------------------|-------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử (áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử):

Ông/bà:Số CMND.....ngày cấp..... nơi cấp..... làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022 của Công ty.

Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ
(ký và ghi rõ họ tên)

....., ngàythángnăm 2020
 CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
 ĐỀ CỬ
(ký và ghi rõ họ tên)

Ảnh 4x6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 3

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Số CMND.....ngày cấp.....nơi cấp.....
- Nguyên quán:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:Fax:
- Email:

2. Quá trình hoạt động bản thân

| Tháng năm | Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu) |
|-----------|---|
| | |
| | |
| | |
| | |

- Trình độ ngoại ngữ, nghiệp vụ chuyên môn:
.....
.....
.....
- Chức vụ tại cơ quan/tổ chức đang công tác:
.....
.....
.....

3. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết không vi phạm một trong các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần cà phê Phước An và các quy định của pháp luật có liên quan.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Số :/QC-ĐHĐCĐ-2020

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

QUY CHẾ
ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cà phê Phước An.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An sẽ tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 theo các nội dung dưới đây:

1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tham dự đại hội hoặc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội. Mỗi cổ phần đại diện cho 01 quyền biểu quyết, tổng số lượng cổ phần sở hữu bằng tổng số lượng quyền biểu quyết.

2. Tiêu chuẩn các ứng viên tham gia BKS

Theo quy định tại Điều 59 Điều lệ Công ty, tiêu chuẩn các ứng viên tham gia vào Ban Kiểm soát của Công ty như sau:

- Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên, hiểu biết về pháp luật.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung: 01 thành viên.

*** Danh sách ứng cử viên Ban Kiểm soát:**

Danh sách ứng cử viên BKS được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu. Trường hợp

Ban tổ chức chưa ghi đầy đủ tên của ứng cử viên trên phiếu bầu (trường hợp toàn bộ ứng cử viên phải giới thiệu tại đại hội) thì khi biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên, cổ đông tự điền đầy đủ họ và tên ứng cử viên vào phiếu bầu trước khi tiến hành bầu cử.

*** Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:**

- Phiếu bầu cử BKS được in thống nhất, được đóng dấu treo phía trên lá phiếu.
- Có tổng số quyền bầu cử theo số lượng cổ phần của cổ đông nắm giữ;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu BKS theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

*** Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:**

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm và/hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

*** Phương thức bầu cử**

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS;

Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

*** Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

• Ban Kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu; hướng dẫn cổ đông bầu cử và tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS.

- **Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:**

Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

- * **Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên BKS**

- **Nguyên tắc bầu dồn phiếu:**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

- **Nguyên tắc trúng cử:**

Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

- * **Lập và công bố biên bản kiểm phiếu**

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào BKS.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy định này được xin ý kiến thông qua tại Đại hội và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông tham dự Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN THANH HẢI

-----o0o-----



Số: 02-2020/BB-ĐHĐCĐ

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

BIÊN BẢN HỌP

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

Địa chỉ trụ sở chính: Km 26 – Quốc lộ 26 – Huyện Krông Pắc – Tỉnh Đắk Lắk

Mã số doanh nghiệp: 6000183273.

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 6000183273 do Sở KH&ĐT Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 20-6-1996 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 02/6/2020

PHẦN I: KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Thời gian, địa điểm Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần cà phê Phước An được khai mạc vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 27/6/2020, tại Không gian cộng đồng cà phê Việt (km 26 , ql 26, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

- Tổng số cổ phần của Công ty là: **13.627.990 CP** (mười ba triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi cổ phần).
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội là: **13.627.990 CP** (mười ba triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi cổ phần).
- Tổng số cổ đông được mời dự đại hội là **155** người, đại diện cho **13.627.990 CP** (Mười ba triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi cổ phần) có quyền biểu quyết tại đại hội.
- Tính đến thời điểm 13h30 ngày 27/6/2020 đã có:/155 cổ đông và người được ủy quyền đăng ký tham dự đại hội, đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm% vốn điều lệ công ty.
- Theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp 2014 thì số cổ đông về dự đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cà phê Phước An năm 2020 đã vượt trên 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đảm bảo hợp pháp, hợp lệ để tiến hành.

3. Khai mạc đại hội

Đại hội đã tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do tổ chức đại hội, giới thiệu thành phần tham dự.
- Giới thiệu ông Trần Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa điều hành cuộc họp.
- Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban thư ký

và Ban kiểm phiếu. Cụ thể như sau:

a. Đoàn Chủ tọa người:

- - Chủ tọa
- - Thành viên
- - Thành viên

Đại hội đã nhất trí thông qua thành phần Đoàn chủ tọa bằng hình thức biểu quyết.

Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%
- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt%
- Số phiếu không có ý kiến :/..... phiếu, đạt%

b. Ban thư ký người:

- - Trưởng ban.
- - Thành viên.

Đại hội đã nhất trí thông qua thành phần Ban thư ký bằng hình thức biểu quyết.

Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành : /..... phiếu, đạt%
- Số phiếu không tán thành : /..... phiếu, đạt%
- Số phiếu không có ý kiến : /..... phiếu, đạt%

c. Ban kiểm phiếu 03 người:

- Ông: - Trưởng ban.
- Ông: - Thành viên.
- Ông: - Thành viên.

Đại hội đã nhất trí thông qua thành phần Ban kiểm phiếu bằng hình thức biểu quyết. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt %
- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt %
- Số phiếu không có ý kiến :/..... phiếu, đạt %

4. Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội.

Đại hội đã nghe ông thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua chương trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội đã nhất trí thông qua Chương trình làm việc của Đại hội bằng hình thức biểu quyết. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%
- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt%
- Số phiếu không có ý kiến :/..... phiếu, đạt%

Đại hội đã nhất trí thông qua Quy chế làm việc của Đại hội bằng hình thức biểu quyết. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%
- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt%
- Số phiếu không có ý kiến :/..... phiếu, đạt%

PHẦN II: CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG ĐẠI HỘI

1. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020:

- Ông – Thay mặt HĐQT Công ty báo cáo trước Đại hội về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 ; Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2020 (Có báo cáo kèm theo).

- – Ban kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ năm 2020 (Có báo cáo kèm theo).

2. Thông qua các tờ trình tại Đại hội:

Ông Trần Thanh Hải - Chủ tọa đại hội - giới thiệu thành viên của đoàn chủ tọa lên đọc các tờ trình sau:

1- Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 và phân phối lợi nhuận”.

2- Tờ trình số 02/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020”.

3- Tờ trình số 03/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2019 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2020”.

4- Tờ trình số 04/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020”.

5- Tờ trình số 05/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm sát nhiệm kỳ 2017 -2022”.

PHẦN III: THẢO LUẬN CỦA CỔ ĐÔNG TRONG ĐẠI HỘI

Các cổ đông đóng góp ý kiến:

.....
.....
.....

PHẦN IV: ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI NHƯ SAU

1. Ông Trưởng ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu tại đại hội.

2. Ông, Chủ tọa đại hội căn cứ vào kết quả kiểm phiếu được ban kiểm phiếu thực hiện tuyên bố các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua gồm:

Vấn đề 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019, dự kiến kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020 của Hội đồng quản trị; Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2020 . (Kèm theo báo cáo số 01/BC-ĐHĐCĐ-2020 và báo cáo số 02/BC-ĐHĐCĐ-2020)

Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019, kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020 của HĐQT; Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2020 .

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt %

- Số phiếu không có ý kiến :/..... phiếu, đạt %

Vấn đề 2: Thông qua báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban kiểm soát. (Kèm theo báo cáo số 03/BC-ĐHĐCĐ-2020).

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban kiểm soát.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không tán thành : /..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không có ý kiến : /..... phiếu, đạt%

Vấn đề 3: Thông qua Tờ trình 01/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 và phân phối lợi nhuận”, cụ thể như sau:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2019 và phân phối lợi nhuận của Hội đồng quản trị.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không có ý kiến :/..... phiếu, đạt%

Vấn đề 4: Thông qua Tờ trình 02/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020. Cụ thể như sau:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020 của Hội đồng quản trị.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định điều chỉnh phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và triển khai tổ chức thực hiện tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo phát triển Doanh nghiệp.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không có ý kiến :/..... phiếu, đạt%

Vấn đề 5: Thông qua Tờ trình 03/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v: Thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2019 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2020”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát công ty năm 2019 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020 như tờ trình của Hội đồng quản trị.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT, BKS phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không có ý kiến :/..... phiếu, đạt%

Vấn đề 6: Thông qua Tờ trình 04/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đề xuất tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp.

Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt%

- Số phiếu không có ý kiến :/..... phiếu, đạt%

Vấn đề 7: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên ban kiểm sát nhiệm kỳ 2017 -2020.

Kết quả biểu quyết cụ thể: Bầu bổ sung

- Số phiếu tán thành :/..... phiếu, đạt%
- Số phiếu không tán thành :/..... phiếu, đạt%

PHẦN V: CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI

1. Ông – Ban Thư ký đọc Biên bản Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Phước An năm 2020.

2. Ông thay mặt chủ tọa đọc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Phước An năm 2020.

3. Đại hội nhất trí biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần cà phê Phước An.

4. Ông đoàn chủ tọa đại hội, tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần cà phê Phước An.

Biên bản này được lập xong hồi.....giờ.....phút, ngàytháng.....năm 2020

Đại hội kết thúc lúch..... phút cùng ngày.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PHƯỚC AN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cà phê Phước An;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty CP cà phê Phước An số: -2020/BB-ĐHĐCĐ ngày /..... /2020.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần cà phê Phước An được tổ chức vào lúc h ngày/...../2020, tại, với sự tham dự của cổ đông, tương ứng cổ phần, chiếm tỷ lệ: % vốn điều lệ Công ty Cổ phần cà phê Phước An. Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các báo cáo:

- 1- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020” của Hội đồng quản trị; Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2020
- 2- Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Điều 2: Thông qua các Tờ trình:

- 1- Thông qua Tờ trình 01/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 và phân phối lợi nhuận”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2019 và phân phối lợi nhuận của Hội đồng quản trị.

- 2- Thông qua Tờ trình 02/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v Thông qua kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2020 của Hội đồng quản trị.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định điều chỉnh phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và triển khai tổ chức thực hiện tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo phát triển Doanh nghiệp.

- 3- Thông qua Tờ trình số 03/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v: Thù lao và tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2019 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2020”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát công ty năm 2019 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020 như tờ trình của Hội đồng quản trị.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT, BKS phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp.

4- Thông qua Tờ trình 04/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp để kiểm toán BCTC năm 2020”.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đề xuất tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019 và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp.

5- Thông qua Tờ trình 05/TTr-ĐHĐCĐ-2020 “V/v bầu bổ sung thành viên ban sát nhiệm kỳ 2017-2022”.

Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung ông/bà :.....vào ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2020 và miễn nhiệm chức vụ kiểm sát viên đối với ông /bà

Điều 3: Các ý kiến đóng góp của cổ đông trong Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông ghi nhận những ý kiến đóng góp của các cổ đông, đề xuất những giải pháp giúp công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020. Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT và Ban điều hành công ty xem xét, nghiên cứu, triển khai nếu phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Điều 4: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày/...../2020.

Các cổ đông của Công ty Cổ phần cà phê Phước An, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần cà phê Phước An có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM/ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Các phòng ban liên quan;
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký .

Trần Thanh Hải